

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới, 06 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất, 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực điện và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết đối với 03 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 07/TTr-SCT ngày 03/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục gồm 03 thủ tục hành chính mới, 06 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải

quyết của Sở Công Thương theo Quyết định số 2544/QĐ-BCT ngày 28/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất thuộc chức năng quản lý của Bộ Công Thương và Quyết định số 67/QĐ-BCT ngày 16/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương (*Phụ lục I kèm theo*).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 03 thủ tục hành chính mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương được công bố tại khoản 1 Điều này (*Phụ lục II kèm theo*).

**Điều 2.** Giao Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC– Văn phòng Chính phủ;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Sở TTTT (phòng CNTT);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**CHỦ TỊCH**

**Trương Hải Long**

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            tháng            năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI**

| STT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                        | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cách thức hiện/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01  | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | <p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p> | <p>Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (<a href="https://dichvucong.gialai.gov.vn">https://dichvucong.gialai.gov.vn</a>) hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Gia Lai.</p> <p>Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> | <p>Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất: 1.200.000đ</p> | <p>- Luật hóa chất 2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.</p> |

|    |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 02 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp        | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 03 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | <p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p> | <p>Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (<a href="https://dichvucong.gialai.gov.vn">https://dichvucong.gialai.gov.vn</a>) hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Gia Lai.</p> <p>Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> | <p>Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất: 600.000đ</p> | <p>- Luật hóa chất 2007;</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của BCT.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính;</p> |

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

| STT | Mã thủ tục hành chính  | Tên thủ tục hành chính                                                                                              | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Cách thức hiện/Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                    | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2.001547.000.00.00.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp     | <p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p> | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến ( <a href="https://dichvucong.gialai.gov.vn">https://dichvucong.gialai.gov.vn</a> ) hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Gia Lai.<br>Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. | Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất: 1.200.000đ | <p>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính</p> |
| 2   | 2.001175.000.00.00.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp,                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|   |                                |                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                             |
|---|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | 2.001172.<br>000.00.00<br>.H21 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | - 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.           | Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến ( <a href="https://dichvucong.gialai.gov.vn">https://dichvucong.gialai.gov.vn</a> ) hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Gia Lai.<br>Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. | quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất: 600.000đ                                                                                               | phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.<br><br>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính. |
| 4 | 1.002758.<br>000.00.00<br>.H21 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp          | - 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính. |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong hoạt động hóa chất: 1.200.000đ |                                                                                                                                                                                                                                             |
| 5 | 2.001161.<br>000.00.00<br>.H21 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp      | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử                                               |                                                                                                                                                                                                                                             |

|   |                        |                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6 | 2.000652.000.00.00.H21 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp | <p>- 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</p> <p>- 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</p> | <p>Nộp hồ sơ qua đường bưu điện hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến (<a href="https://dichvucong.gialai.gov.vn">https://dichvucong.gialai.gov.vn</a>) hoặc gửi trực tiếp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Gia Lai.</p> <p>Địa chỉ: Số 69 Hùng Vương, phường Tây Sơn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.</p> | <p>dụng phí trong hoạt động hóa chất: 600.000đ</p> | <p>- Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007.</p> <p>- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 9/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.</p> <p>- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</p> <p>- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.</p> <p>- Thông tư số 08/2018/TT-BTC ngày 25/01/2018 của Bộ Tài chính.</p> |
|---|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

### III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

| STT | Mã TTHC                | Tên thủ tục hành chính                                                                                                              | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC                                                                                                                                  |
|-----|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2.000543.000.00.00.H21 | Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực lần đầu cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương                            | Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện. |
| 2   | 2.000526.000.00.00.H21 | Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực trường hợp bị mất hoặc bị hỏng thẻ cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương |                                                                                                                                                                               |
| 3   |                        | Cấp thẻ kiểm tra viên điện lực khi thẻ hết hạn sử dụng cho các đối tượng sử dụng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương            |                                                                                                                                                                               |



**PHỤ LỤC II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI LĨNH VỰC HÓA CHẤT**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

| TT                                                                                                                                      | Các bước | Trình tự thực hiện          | Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ | Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ | Cơ quan phối hợp (nếu có)      | Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có) | Mô tả quy trình                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp</b> |          |                             |                                                       |                                         |                                |                                              |                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.</b>                    |          |                             |                                                       |                                         |                                |                                              |                                                                                                                                                                                                                           |
| 1                                                                                                                                       | Bước 1   | Tiếp nhận hồ sơ             | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh                | 0,5 ngày làm việc                       | Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp |                                              | Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương) tiếp nhận, tạo hồ sơ điện tử; xuất phiếu tiếp nhận ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định; chuyển hồ sơ (giấy và trên điện tử) về Sở Công Thương |
| 2                                                                                                                                       | Bước 2   | Phân công xử lý hồ sơ       | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường          | 0,5 ngày làm việc                       |                                |                                              | Phân công công chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                   |
|                                                                                                                                         |          | Thẩm định, giải quyết hồ sơ | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường         | 08 ngày làm việc                        |                                |                                              | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, đối chiếu quy định hiện hành xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng.                               |

|                  |        |                                     |                                                    |                             |  |  |                                                                                                                                                  |
|------------------|--------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |        | Thẩm định<br>trình phê duyệt        | Lãnh đạo Phòng Kỹ<br>thuật an toàn – Môi<br>trường | 01 ngày<br>làm việc         |  |  | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường<br>xem trình lãnh đạo Sở                                                                            |
| 3                | Bước 3 | Phê duyệt                           | Lãnh đạo Sở Công<br>Thương                         | 01 ngày<br>làm việc         |  |  | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt                                                                                                                   |
| 4                | Bước 4 | Ghi sổ, ban<br>hành và lưu hồ<br>sơ | Văn thư Sở Công<br>Thương                          | 0,5 ngày<br>làm việc        |  |  | Văn thư Sở vào sổ, ghi sổ, ban hành và chuyển kết<br>quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công<br>(nhân viên tiếp nhận tại quầy Sở Công Thương). |
| 5                | Bước 5 | Trả kết quả                         | Trung tâm Phục vụ<br>hành chính công tỉnh          | 0,5 ngày<br>làm việc        |  |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quầy Sở<br>Công Thương trả kết quả cho cơ quan, tổ chức,<br>đơn vị, doanh nghiệp.                          |
| <b>Tổng cộng</b> |        |                                     |                                                    | <b>12 ngày<br/>làm việc</b> |  |  |                                                                                                                                                  |

**Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.**

|   |        |                                   |                                                     |                      |                                      |  |                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|--------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Bước 1 | Tiếp nhận hồ<br>sơ                | Trung tâm Phục vụ<br>hành chính công tỉnh           | 0,5 ngày<br>làm việc | Cá nhân, tổ<br>chức, doanh<br>nghiệp |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở<br>Công Thương) tiếp nhận, tạo hồ sơ điện tử; xuất<br>phiếu tiếp nhận ngay sau khi nhận đầy đủ thành<br>phần hồ sơ theo quy định; chuyển hồ sơ (giấy và<br>trên điện tử) về Sở Công Thương |
| 2 | Bước 2 | Phân công xử<br>lý hồ sơ          | Lãnh đạo Phòng Kỹ<br>thuật an toàn – Môi<br>trường  | 0,5 ngày<br>làm việc |                                      |  | Phân công công chức giải quyết hồ sơ thủ tục<br>hành chính                                                                                                                                                                            |
|   |        | Thẩm định,<br>giải quyết hồ<br>sơ | Công chức Phòng<br>Kỹ thuật an toàn –<br>Môi trường | 10 ngày<br>làm việc  |                                      |  | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường<br>chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan<br>kiểm tra, đối chiếu quy định hiện hành xem xét xử<br>lý, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng.                                  |

|                  |        |                                     |                                                    |                             |  |  |                                                                                                                                                  |
|------------------|--------|-------------------------------------|----------------------------------------------------|-----------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |        | Thẩm định<br>trình phê duyệt        | Lãnh đạo Phòng Kỹ<br>thuật an toàn – Môi<br>trường | 02 ngày<br>làm việc         |  |  | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường<br>xem trình lãnh đạo Sở                                                                            |
| 3                | Bước 3 | Phê duyệt                           | Lãnh đạo Sở Công<br>Thương                         | 01 ngày<br>làm việc         |  |  | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt                                                                                                                   |
| 4                | Bước 4 | Ghi sổ, ban<br>hành và lưu hồ<br>sơ | Văn thư Sở Công<br>Thương                          | 0,5 ngày<br>làm việc        |  |  | Văn thư Sở vào sổ, ghi sổ, ban hành và chuyển kết<br>quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công<br>(nhân viên tiếp nhận tại quầy Sở Công Thương). |
| 5                | Bước 5 | Trả kết quả                         | Trung tâm Phục vụ<br>hành chính công tỉnh          | 0,5 ngày<br>làm việc        |  |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quầy Sở<br>Công Thương trả kết quả cho cơ quan, tổ chức,<br>đơn vị, doanh nghiệp.                          |
| <b>Tổng cộng</b> |        |                                     |                                                    | <b>15 ngày<br/>làm việc</b> |  |  |                                                                                                                                                  |

## 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

|   |        |                                   |                                                     |                      |                                      |  |                                                                                                                                                                                                                                       |
|---|--------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Bước 1 | Tiếp nhận hồ<br>sơ                | Trung tâm Phục vụ<br>hành chính công tỉnh           | 0,5 ngày<br>làm việc | Cá nhân, tổ<br>chức, doanh<br>nghiệp |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở<br>Công Thương) tiếp nhận, tạo hồ sơ điện tử; xuất<br>phiếu tiếp nhận ngay sau khi nhận đầy đủ thành<br>phần hồ sơ theo quy định; chuyển hồ sơ (giấy và<br>trên điện tử) về Sở Công Thương |
| 2 | Bước 2 | Phân công xử<br>lý hồ sơ          | Lãnh đạo Phòng Kỹ<br>thuật an toàn – Môi<br>trường  | 0,5 ngày<br>làm việc |                                      |  | Phân công công chức giải quyết hồ sơ thủ tục<br>hành chính                                                                                                                                                                            |
|   |        | Thẩm định,<br>giải quyết hồ<br>sơ | Công chức Phòng<br>Kỹ thuật an toàn –<br>Môi trường | 2 ngày<br>làm việc   |                                      |  | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường<br>chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan<br>kiểm tra, đối chiếu quy định hiện hành xem xét xử<br>lý, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng.                                  |

|                  |        |                               |                                              |                         |  |  |                                                                                                                                            |
|------------------|--------|-------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------|--|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                  |        | Thẩm định trình phê duyệt     | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường xem trình lãnh đạo Sở                                                                         |
| 3                | Bước 3 | Phê duyệt                     | Lãnh đạo Sở Công Thương                      | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt                                                                                                             |
| 4                | Bước 4 | Ghi sổ, ban hành và lưu hồ sơ | Văn thư Sở Công Thương                       | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Văn thư Sở vào sổ, ghi sổ, ban hành và chuyển kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nhân viên tiếp nhận tại quầy Sở Công Thương). |
| 5                | Bước 5 | Trả kết quả                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh       | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quầy Sở Công Thương trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.                          |
| <b>Tổng cộng</b> |        |                               |                                              | <b>05 ngày làm việc</b> |  |  |                                                                                                                                            |

### **3. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp**

**Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất của tổ chức, cá nhân được đặt tại địa phương đặt trụ sở chính.**

|   |        |                       |                                              |                   |                                |  |                                                                                                                                                                                                                           |
|---|--------|-----------------------|----------------------------------------------|-------------------|--------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ       | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh       | 0,5 ngày làm việc | Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương) tiếp nhận, tạo hồ sơ điện tử; xuất phiếu tiếp nhận ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định; chuyển hồ sơ (giấy và trên điện tử) về Sở Công Thương |
| 2 | Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường | 0,5 ngày làm việc |                                |  | Phân công công chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                   |

|                                                                                                                                |        |                               |                                               |                         |  |  |                                                                                                                                                                                             |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                                                                                |        | Thẩm định, giải quyết hồ sơ   | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường | 8 ngày làm việc         |  |  | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, đối chiếu quy định hiện hành xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng. |
|                                                                                                                                |        | Thẩm định trình phê duyệt     | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường  | 01 ngày làm việc        |  |  | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường xem trình lãnh đạo Sở                                                                                                                          |
| 3                                                                                                                              | Bước 3 | Phê duyệt                     | Lãnh đạo Sở Công Thương                       | 01 ngày làm việc        |  |  | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt                                                                                                                                                              |
| 4                                                                                                                              | Bước 4 | Ghi sổ, ban hành và lưu hồ sơ | Văn thư Sở Công Thương                        | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Văn thư Sở vào sổ, ghi sổ, ban hành và chuyển kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nhân viên tiếp nhận tại quầy Sở Công Thương).                                                  |
| 5                                                                                                                              | Bước 5 | Trả kết quả                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh        | 0,5 ngày làm việc       |  |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quầy Sở Công Thương trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.                                                                           |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                                                               |        |                               |                                               | <b>12 ngày làm việc</b> |  |  |                                                                                                                                                                                             |
| <b>Trường hợp tổ chức, cá nhân có cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất tại địa phương khác với địa phương đặt trụ sở chính.</b> |        |                               |                                               |                         |  |  |                                                                                                                                                                                             |

|                  |        |                               |                                               |                         |                                |  |                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------|--------|-------------------------------|-----------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Bước 1 | Tiếp nhận hồ sơ               | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh        | 0,5 ngày làm việc       | Cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công (quầy Sở Công Thương) tiếp nhận, tạo hồ sơ điện tử; xuất phiếu tiếp nhận ngay sau khi nhận đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định; chuyển hồ sơ (giấy và trên điện tử) về Sở Công Thương |
| 2                | Bước 2 | Phân công xử lý hồ sơ         | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường  | 0,5 ngày làm việc       |                                |  | Phân công công chức giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                   |
|                  |        | Thẩm định, giải quyết hồ sơ   | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường | 10 ngày làm việc        |                                |  | Công chức Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, đối chiếu quy định hiện hành xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ và trình lãnh đạo Phòng.                               |
|                  |        | Thẩm định trình phê duyệt     | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường  | 02 ngày làm việc        |                                |  | Lãnh đạo Phòng Kỹ thuật an toàn – Môi trường xem trình lãnh đạo Sở                                                                                                                                                        |
| 3                | Bước 3 | Phê duyệt                     | Lãnh đạo Sở Công Thương                       | 01 ngày làm việc        |                                |  | Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt                                                                                                                                                                                            |
| 4                | Bước 4 | Ghi sổ, ban hành và lưu hồ sơ | Văn thư Sở Công Thương                        | 0,5 ngày làm việc       |                                |  | Văn thư Sở vào sổ, ghi sổ, ban hành và chuyển kết quả qua Trung tâm Phục vụ hành chính công (nhân viên tiếp nhận tại quầy Sở Công Thương).                                                                                |
| 5                | Bước 5 | Trả kết quả                   | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh        | 0,5 ngày làm việc       |                                |  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tại quầy Sở Công Thương trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.                                                                                                         |
| <b>Tổng cộng</b> |        |                               |                                               | <b>15 ngày làm việc</b> |                                |  |                                                                                                                                                                                                                           |